

Bản án số: 123/2025/DS-PT

Ngày 28 tháng 8 năm 2025

V/v: “yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hạng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thanh

Ông Trần Minh Thật

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Hồng Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 71/2025/DS-PT ngày 28 tháng 3 năm 2025 về việc: “Yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 103/2024/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Khánh Hòa) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2025/QĐ-PT ngày 04/7/2025, Quyết định tạm ngừng phiên tòa 29/2025/QĐPT-DS ngày 23/7/2025; Thông báo mở lại phiên tòa số 29/TB-DS ngày 14/8/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1973; địa chỉ: Lô C ô C B, phường V, thành phố N (nay là phường B), tỉnh Khánh Hòa. (Ông K là người khuyết tật theo Giấy xác nhận khuyết tật được UBND phường V cấp năm 2019). Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh K. Có mặt

- Bị đơn: Các bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1948; Nguyễn Thị Trúc C, sinh năm 1978; Trần Thị Trúc L, sinh năm 2001; cùng địa chỉ: Lô C ô C B, phường V, thành phố N (nay là phường B), tỉnh Khánh Hòa. (Bà Đ có đơn xin xét xử vắng mặt; các bà C và L vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hồ Văn H, sinh năm 1966; địa chỉ: B lô A N, xã P, thành phố N (nay là phường N), tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Bà Vũ Thị A; địa chỉ: A L, phường P, thành phố N (nay là phường N), tỉnh Khánh Hòa. (Giấy ủy quyền lập ngày 16/7/2020). Có mặt

2. Văn phòng C1. Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị Mỹ P; địa chỉ: F H, phường L (nay là phường N), tỉnh Khánh Hòa. Có đề nghị vắng mặt.

3. Ông Ngô Ngọc T1 – Công chứng viên Văn phòng C1; địa chỉ: F H, phường L (nay là phường N), tỉnh Khánh Hòa. Có đề nghị vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị Trần H1, sinh năm 1977 và ông Nguyễn Ngọc Đài D, sinh năm 2005; địa chỉ: Lô C ô C B, phường B, tỉnh Khánh Hòa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Thửa đất số Lô số 36 – Ô 30, tờ bản đồ: khu vực Đ - KDC Đ; địa chỉ: Lô C - ô số C đường B, khu T - KDC Đ, V, N, Khánh Hòa được Ủy ban nhân dân thành phố N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 11/8/2014 cho hộ bà Nguyễn Thị Đ. Nên đây là tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của hộ gia đình ông K do mẹ ông là bà Nguyễn Thị Đ đại diện đứng tên. Ông K, vợ và các con cùng các bà Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị Trúc C, Trần Thị Trúc L đang cùng ở trong nhà đất này và có quyền, nghĩa vụ ngang nhau. Nhưng ngày 11/12/2018, bà Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị Trúc C, và Trần Thị Trúc L đã ký Hợp đồng ủy quyền cho ông Hồ Văn H có nội dung ủy quyền giao cho ông H được quyền chuyển nhượng nhà đất, quyết định về giá chuyển nhượng, nhận tiền chuyển nhượng với thời hạn ủy quyền là 20 năm và được Văn phòng C1 chứng nhận số 26014 ngày 11/12/2018, quyền số 12 TP/CCSCC/HĐGD do công chứng viên Ngô Ngọc T1 thực hiện công chứng.

Ông nhận thấy Hợp đồng ủy quyền công chứng nêu trên là trái pháp luật, đã xâm phạm quyền và lợi hợp pháp của thành viên trong hộ gia đình đã và đang sống tại nhà đất nói trên, vi phạm quy định về định đoạt tài sản chung của hộ gia đình theo quy định của Bộ luật dân sự, Luật Đất đai và Luật Nhà ở. Do đó, ông khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng ủy quyền được Văn phòng C1 chứng nhận ngày 11/12/2018, số 26014, quyền số 12 TP/CC-SCC/HĐGD là vô hiệu.

- Theo bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm ngày 23/7/2025 bị đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Bà thống nhất đồng ý theo nội dung và yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc K. Vì nhà đất được cấp là cho cả hộ gia đình bà chỉ đứng tên đại diện cho hộ, ông K là con trai của bà, từ khi được cấp đất trên vợ chồng ông K vẫn sinh sống cùng bà; 11/12/2018 con gái Trúc L có đề nghị bà đến phòng công chứng ký giấy tờ, do lớn tuổi và không am hiểu pháp luật bà không đọc nội dung mà chỉ biết ký tên vào các giấy tờ. Đây là tài sản chung của hộ gia đình bà nên bà đề nghị Tòa án tuyên bố văn bản công chứng số 26014 ngày 11/12/2018 về việc ủy quyền là vô hiệu và yêu cầu ông H phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) cho hộ gia đình bà.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Trúc C và bà Trần Thị Trúc L vắng mặt

- Đại diện theo pháp luật của Văn phòng C1 và ông Ngô Ngọc T1 – công chứng viên trình bày: Hai bên giao kết Hợp đồng đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc trường hợp bị cấm giao dịch; không bị lừa dối hay ép buộc. Vì thế Công chứng viên văn phòng C1 đã thụ lý, soạn thảo và ký công chứng hợp đồng ủy quyền được giao kết giữa hộ bà Nguyễn Thị Đ và ông Hồ Văn H nói trên là hoàn toàn có cơ sở, đúng quy định của pháp luật. Vì tại thời điểm các bên yêu cầu công chứng, theo sổ hộ khẩu mà người yêu cầu công chứng cung cấp thì trong hộ không có tên ông Nguyễn Ngọc K. Các bên đương sự tham gia công chứng có đầy đủ nhận thức, năng lực hành vi; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là chứng thư pháp lý để Nhà nước xác nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở nên chủ sử dụng đất được quyền ủy quyền cho người khác được toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt. Mặt khác, hợp đồng ủy quyền mà công chứng viên văn phòng C1 đã chứng nhận nói trên không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội. Do đó, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời xin được vắng mặt tại tất cả các phiên hòa giải, đối chất, xét xử vụ án giai đoạn sơ thẩm, phúc thẩm và giám đốc thẩm (nếu có).

- Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Vũ Thị A trình bày: Đề nghị quý Tòa xem xét và bác bỏ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông K.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Trần H1 và ông Nguyễn Ngọc Đài D trình bày: Đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì chúng tôi là các thành viên trong hộ và hiện đang sinh sống tại nhà ở lô C ô C đường B, phường B, tỉnh Khánh Hòa; Việc các bà Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị Trúc C, Trần Thị Trúc L tự ý ký ủy quyền cho ông H được toàn quyền định đoạt đối với lô đất nêu trên đã ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của chúng tôi. Do đó, đề nghị Tòa tuyên hủy hợp đồng ủy quyền mà các bà Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị Trúc C, Trần Thị Trúc L đã ký với ông Hồ Văn H được văn phòng C1 công chứng.

Bản án sơ thẩm số 103/2024/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa (*nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Khánh Hòa*) đã quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc “*Yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu*”. Tuyên bố văn bản Công chứng số 26014 ngày 11/12/2018, quyển số 12 TP/CCSCC/HĐGD vô hiệu. Ngoài ra bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí, trách nhiệm chậm thi hành và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 24 và 25/9/2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn H và người đại diện theo ủy quyền có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 06/12/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị Đ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm đề nghị sửa bản án sơ thẩm tuyên buộc ông Hồ Văn H trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) cho hộ gia đình của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Không đồng ý tuyên bố hợp đồng ủy quyền là vô hiệu bởi các lý do: Hợp

đồng ủy quyền mà các bên ký kết hoàn toàn trên cơ sở tự nguyện; các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; nội dung ký kết không vi phạm điều cấm của pháp luật; ông H khi nhận ủy quyền cho đến nay đã thực hiện đúng phạm vi được ủy quyền nên không có căn cứ tuyên bố hợp đồng ủy quyền vô hiệu. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, sổ hộ khẩu của hộ bà Nguyễn Thị Đ chỉ có các bà Nguyễn Thị Đ, Trúc C, Trúc L; Ông K và gia đình của ông K ở một nơi khác không liên quan gì đến Lô 36 ô 30 này; bà Đ là người chủ sử dụng đất được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà Đ và các bà Trúc C, Trúc L cùng trong hộ có quyền ủy quyền cho người khác. Việc ủy quyền này không xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông K. Do đó, hợp đồng ủy quyền đã ký kết giữa các bên là không vô hiệu.

- *Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc K trình bày:* vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa phát biểu:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn và không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tổ tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm tuyên buộc ông Hồ Văn H phải trả lại cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị Đ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Về án phí: Bị đơn được miễn án phí dân sự phúc thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định nên Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] *Trên cơ sở nội dung trình bày, Tòa án cấp phúc thẩm xét các nội dung kháng cáo như sau:*

2.1 Xét kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Hộ bà Nguyễn Thị Đ là một trong những hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án dự án chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ Sông cái (phần kè và đường khu vực phường X, thành phố N nay là phường N), tỉnh Khánh Hòa vào năm 2008.

Tại thời điểm thu hồi đất, hộ bà Nguyễn Thị Đ gồm có 08 thành viên gồm: Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Ngọc K, Nguyễn Thị Trúc C, Trần Thị Trúc L, Nguyễn Thị Huyền T2, Nguyễn Thị Trúc N (*Bị khuyết tật nặng*), Võ Thị M, Nguyễn Ngọc Đ1 D cùng cư trú tại 16C Cồn giữa, phường X, thành phố N (nay là phường N), tỉnh Khánh Hòa và bị thu hồi toàn bộ 106,7m² theo quyết định số 165/QĐ-UBND ngày 16/01/2008. Cũng vào thời điểm này, 08 nhân khẩu nêu trên được tách thành 02 sổ hộ khẩu mục đích để được Nhà nước cấp tái định cư một lô đất và được Nhà nước ưu tiên mua thêm một lô đất với giá ưu đãi.

Ngày 14/10/2009 Ủy ban nhân dân thành phố N ban hành quyết định số 3728/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ bà Nguyễn Thị Đ cụ thể: Bố trí tái định cư đất phân lô theo quy hoạch.

- Lô C, ô 30 đường B (đường số G), diện tích 94,90m², mặt tiền đường rộng 13m, khu tái định cư Đ, khu dân cư Đ, phường V, thành phố N (Nay là phường B).

- Lô 37, ô 30 đường B (đường số G), diện tích 92,90m², mặt tiền đường rộng 13m, khu tái định cư Đ, khu dân cư Đ, phường V, thành phố N (Nay là phường B).

Như vậy, 08 thành viên trong hộ của bà Nguyễn Thị Đ đều có quyền sở hữu chung đối với các thửa đất được cấp tái định cư là lô 36 và lô 37 ô 30 đường B (đường số G), khu tái định cư Đ, khu dân cư Đ, phường V, thành phố N (Nay là phường B) theo Điều 212 Bộ luật dân sự.

Ngày 11/12/2018, các bà Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị Trúc C, Trần Thị Trúc L ký hợp đồng ủy quyền số 26014, quyền số 12 TP/CCSCC/HĐGD cho ông Hồ Văn H không cung cấp đầy đủ thông tin những thành viên trong hộ là vi phạm khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 47 Luật công chứng. Việc không khai báo đầy đủ các thành viên hộ gia đình là vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin trung thực, ảnh hưởng trực tiếp đến tính hợp pháp của hợp đồng ủy quyền dẫn đến hợp đồng ủy quyền vô hiệu theo quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự. Văn phòng C1 khi ký công chứng hợp đồng ủy quyền đã thông báo đầy đủ quyền và nghĩa vụ cho người yêu cầu công chứng theo quy định tại Điều 41 Luật công chứng nên không có lỗi, không vi phạm khi công chứng hợp đồng ủy quyền ngày 11/12/2018. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tuyên bố hợp đồng công chứng vô hiệu là có căn cứ nên kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không có cơ sở để chấp nhận.

2.2 Xét kháng cáo của bị đơn về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu:

Hợp đồng ủy quyền nêu trên vô hiệu do vi phạm về điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự và lỗi thuộc về bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng do hợp đồng này không có thù lao nên không phát sinh thiệt hại. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thừa nhận đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 781303 do Ủy ban nhân dân thành phố N cấp ngày 11/8/2014 đứng tên hộ bà Nguyễn Thị Đ nên buộc ông Hồ Văn H phải trả lại cho hộ bà Nguyễn Thị Đ gồm các ông, bà Nguyễn Ngọc K, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị Trúc C, Trần Thị Trúc L, Nguyễn Thị Trần H1, Nguyễn Ngọc Đài D (*bà Võ Thị M đã chết và Nguyễn Thị Trúc N bị khuyết tật nặng*) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 781303, sổ vào sổ cấp GCN: CH 04817/22327 do Ủy ban nhân dân thành phố N cấp ngày 11/8/2014 đứng tên hộ bà Nguyễn Thị Đ (bản chính).

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ là người cao tuổi nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo không

được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003328 ngày 21/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. (Đã nộp đủ án phí)

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26; Điều 147; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 29 Điều 3; khoản 1 Điều 188 Luật Đất đai năm 2013 Điều 20, Điều 117, Điều 212 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Đ; Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn H; Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 103/2024/DS-ST ngày 16/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang (*nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Khánh Hòa*).

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc K

Tuyên bố: Hợp đồng ủy quyền giữa các bà Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị Trúc C, Trần Thị Trúc L với ông Hồ Văn H do văn phòng C1 công chứng số 26014, quyền số 12 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/12/2018 là vô hiệu.

Buộc ông Hồ Văn H phải trả lại cho hộ bà Nguyễn Thị Đ (gồm các ông, bà Nguyễn Ngọc K, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị Trúc C, Trần Thị Trúc L, Nguyễn Thị Trần H1 và ông Nguyễn Ngọc Đài D) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 781303, sổ vào sổ cấp GCN: CH 04817/22327 do Ủy ban nhân dân thành phố N cấp ngày 11/8/2014 đứng tên hộ bà Nguyễn Thị Đ (bản chính).

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003328 ngày 21/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. (Ông H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm).

* Quy định: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án và bản án có hiệu lực thi hành, nếu người phải thi hành án không thi hành án thì còn phải trả lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Các đương sự; **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Khánh Hòa;

- TAND khu vực 1 – Khánh Hòa;

- THADS khu vực 1 – Khánh Hòa;

- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Hạng